

CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH  
*QUANG NINH THERMAL  
POWER JOINT STOCK  
COMPANY*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*  
**Independence – Freedom – Happiness**

Số: 531/BC-NĐQN

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 4 năm 2026

No: /BC-NĐQN

Quang Ninh,

2026

**BÁO CÁO/ ANNUAL REPORT**  
**Thường niên năm 2025/ For the year 2025**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/  
*State Securities Commission of Vietnam;*  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/  
*Hanoi Stock Exchange.*

**I. Thông tin chung/ General information**

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH.  
+ Tên giao dịch quốc tế/ *Trading name:* Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company.  
+ Tên viết tắt/ *Abbreviated name:* QNTPJSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700434869 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10/11/2025/ *Business Registration Certificate No.: 5700434869 first issued by the Department of Planning and Investment of Quang Ninh province on December 16, 2002, registered for the 13th change on November 10, 2025.*
- Vốn điều lệ/ *Charter capital:* 4.500.000.000.000 đồng (Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng/ *Four trillion five hundred billion Vietnamese dong (VND).*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital:* Tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 5.929.722.848.266 đồng, bao gồm cả thặng dư vốn cổ phần và vốn khác của chủ sở hữu/ *As of December 31, 2025, it is VND 5.929.722.848.266 VND, including equity surplus and other owners' capital.*
- Địa chỉ/ *Address:* Tổ 33 khu phố Hà Khánh 5, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam/ *Residential Group No. 33, Ha Khanh 5 Quarter, Cao Xanh Ward, Quang Ninh Province, Vietnam.*
- Số điện thoại/ *Telephone:* (0203)3657539; Số fax/ *Fax:* (0203)3657540.

- Website: <http://www.quangninhtpc.com.vn>.
- Mã cổ phiếu/ *Securities code*: QTP - Mã cổ phiếu của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM từ ngày 16/3/2017/ *QTP - The Company's securities code was officially approved by the Hanoi Stock Exchange for trading on the UpCOM market from March 16, 2017.*
- Quá trình hình thành và phát triển/ *Establishment and development process* :
  - + Ngày 04/02/2002, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh thành lập theo Thông báo số 20/VPCP-TB của Văn phòng Chính phủ theo hình thức Công ty cổ phần nhà nước gồm: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Than Việt Nam, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các doanh nghiệp khác có năng lực về vốn tham gia thực hiện dự án/ *On February 4, 2002, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company was established pursuant to Notification No. 20/VPCP-TB of the Government Office in the form of a state-owned joint stock company, comprising Vietnam Electricity Corporation, Vietnam National Coal Corporation, Vietnam Machinery Installation Corporation, and other enterprises with sufficient financial capacity to participate in the implementation of the project;*
  - + Ngày 16/12/2002, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm: (i) Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN); (ii) Tổng Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV); (iii) Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA); (iv) Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX); (v) Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA)/ *On December 16, 2002, the Company was granted its initial Business Registration Certificate by the Department of Planning and Investment of Quang Ninh Province with five (05) founding shareholders, namely: (i) Vietnam Electricity Corporation (EVN); (ii) Vietnam National Coal - Mineral Industries Group (TKV); (iii) Construction Machinery Corporation (COMA); (iv) Vietnam Construction Import-Export Corporation (VINACONEX); and (v) Vietnam Machinery Installation Corporation (LILAMA).*

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện/ *Main business lines of the Company: Generation, transmission, and distribution of electricity;*

- + Ngày 23/9/2003, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (NMD Quảng Ninh) tại văn bản số 1278/CP-CN, gồm những nội dung chính như sau: (i) Đồng ý đầu tư NMD Quảng Ninh

với công suất 600MW và có tính đến việc đầu tư một số công trình dùng chung cho quy mô công suất 1.200MW; (ii) Dự án được áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, dùng vốn vay thương mại của các tổ chức tín dụng nước ngoài và các ngân hàng thương mại trong nước được phép cho Công ty vay vượt 15% vốn tự có của từng ngân hàng đối với dự án này/ *On September 23, 2003, the Prime Minister approved the investment project for Quang Ninh Thermal Power Plant (Quang Ninh TPP) under Document No. 1278/CP-CN, with the principal contents as follows: (i) Approval was granted for the investment in Quang Ninh TPP with a capacity of 600 MW, taking into account the development of certain shared facilities for an ultimate capacity scale of 1,200 MW; (ii) The project is entitled to investment incentives in accordance with the Law on Domestic Investment Promotion, and may utilize commercial loans from foreign credit institutions as well as domestic commercial banks, which are permitted to extend loans to the Company exceeding 15% of each bank's equity capital for this project.*

- + Ngày 19/05/2004, khởi công san nền NMT Quảng Ninh/ *On May 19, 2004, commencement of site leveling works for Quang Ninh Thermal Power Plant;*
- + Ngày 31/10/2005, ký Hợp đồng EPC NMT Quảng Ninh/ *On October 31, 2005, execution of the EPC Contract for Quang Ninh Thermal Power Plant;*
- + Ngày 02/04/2006, khởi công Nhà máy chính NMT Quảng Ninh/ *On April 2, 2006, commencement of construction of the main plant of Quang Ninh Thermal Power Plant;*
- + Ngày 16/11/2006, ký Hợp đồng EPC NMT Quảng Ninh 2/ *On November 16, 2006, execution of the EPC Contract for Quang Ninh Thermal Power Plant 2;*
- + Ngày 28/05/2007, khởi công Nhà máy chính NMT Quảng Ninh 2/ *On May 28, 2007, commencement of construction of the main plant of Quang Ninh Thermal Power Plant 2;*
- + Ngày 12/05/2009, Tổ máy (TM) số 1 NMT Quảng Ninh chính thức được hòa đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy (RTR) vào tháng 3/2010 và được cấp chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC) có điều kiện vào tháng 07/2011/ *On May 12, 2009, Unit No. 1 of Quang Ninh Thermal Power Plant was synchronized for the first time with the National Power System, completed the Reliable Run Test (RTR) in March 2010, and was granted a Conditional Provisional Acceptance Certificate (PAC) in July 2011;*

- + Ngày 02/6/2010, TM2 NMTD Quảng Ninh được hòa đồng bộ vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 10/2010 và được cấp PAC vào tháng 04/2011/ *On June 2, 2010, Unit No. 2 of Quang Ninh Thermal Power Plant was synchronized with the National Power System, completed RTR in October 2010, and was granted PAC in April 2011;*
- + Ngày 01/7/2012, cả 02 TM NMTD Quảng Ninh chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh/ *On July 1, 2012, both units of Quang Ninh Thermal Power Plant officially participated in the competitive electricity generation market;*
- + Ngày 13/12/2012, TM3 NMTD Quảng Ninh 2 hòa đồng bộ lần đầu và chính thức phát điện vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 6/2013 và được cấp PAC từ ngày 01/01/2014/ *On December 13, 2012, Unit No. 3 of Quang Ninh Thermal Power Plant 2 was synchronized for the first time and officially commenced power generation to the National Power System, completed RTR in June 2013, and was granted PAC from January 1, 2014;*
- + Ngày 09/9/2013, TM4 NMTD Quảng Ninh 2 chính thức hoà đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 01/2014 và được cấp PAC từ ngày 16/03/2014/ *On September 9, 2013, Unit No. 4 of Quang Ninh Thermal Power Plant 2 was synchronized for the first time with the National Power System, completed RTR in January 2014, and was granted PAC from March 16, 2014;*
- + Ngày 01/6/2015, cả 02 TM NMTD Quảng Ninh 2 chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh/ *On June 1, 2015, both units of Quang Ninh Thermal Power Plant 2 officially participated in the competitive electricity generation market;*
- + Ngày 13/01/2016, Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán điện số 01/2016/HĐ-NMTD-QN, hợp nhất hai Hợp đồng mua bán điện NMTD Quảng Ninh và NMTD Quảng Ninh 2 với EVN/ *On January 13, 2016, the Company executed Power Purchase Agreement No. 01/2016/HĐ-NMTD-QN, consolidating the two Power Purchase Agreements of Quang Ninh Thermal Power Plant and Quang Ninh Thermal Power Plant 2 with EVN;*
- + Ngày 10/01/2022, Công ty có Quyết định số 19/QĐ-NĐQN phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh/ *On January 10, 2022, the Company issued Decision No. 19/QĐ-NĐQN approving the final settlement of the completed Quang Ninh Thermal Power Plant Project.*

- + Ngày 06/06/2024, Công ty được Cục Điều tiết điện lực cấp Giấy phép hoạt động điện lực số 113/GP-ĐTĐL cho giai đoạn từ ngày 18/6/2024 đến ngày 17/6/2034/ *On June 6, 2024, the Company was granted Electricity Operation License No. 113/GP-ĐTĐL by the Electricity Regulatory Authority for the period from June 18, 2024 to June 17, 2034.*
  - + Ngày 03/12/2024, Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 517/GPMT-BTNMT cho giai đoạn từ ngày 03/12/2024 đến ngày 02/12/2031/ *On December 3, 2024, the Company was granted Environmental License No. 517/GPMT-BTNMT by the Ministry of Natural Resources and Environment for the period from December 3, 2024 to December 2, 2031.*
  - + Ngày 31/12/2025, Công ty có Quyết định số 2439/QĐ-NĐQN phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2/ *On December 31, 2025, the Company issued Decision No. 2439/QĐ-NĐQN approving the final settlement of investment capital for the completed Quang Ninh Thermal Power Plant 2 Project.*
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business lines and operating area*
- Ngành nghề kinh doanh chính/ *Main business line*: Sản xuất kinh doanh điện/ *Electricity generation and trading.*
  - Địa bàn kinh doanh/ *Operating area*: Phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh/ *Cao Xanh Ward, Quang Ninh Province.*
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information on governance model, business organization, and management structure*
- Mô hình quản trị/ *Governance model*: Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng/ *The Company is organized as a joint stock company, headed by the General Meeting of Shareholders; Board of Directors; Supervisory Board; and the Executive Board, led by the General Director, Deputy General Directors, and Chief Accountant.*
  - Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*:
    - + Đại hội đồng cổ đông/ *General Meeting of Shareholders*;
    - + Hội đồng quản trị/ *Board of Directors*;
    - + Ban kiểm soát/ *Supervisory Board*;
    - + Ban Tổng giám đốc/ *Executive Board*;

- + 04 Phòng chuyên môn: Phòng Kỹ thuật và An toàn, Phòng Kế hoạch và Vật tư, Phòng Hành chính và Lao động, Phòng Tài chính và Kế toán/  
*Four specialized departments: Technical and Safety Department, Planning and Materials Department, Administration and Labor Department, Finance and Accounting Department;*
- + 01 Đội Bảo vệ và PCCC/ *One Security and Fire Prevention & Fighting Team;*
- + 04 Phân xưởng: Phân xưởng Vận hành, Phân xưởng Sửa chữa, Phân xưởng Nhiên liệu, Phân xưởng Hóa/ *Four workshops: Operation Workshop, Maintenance Workshop, Fuel Workshop, Chemistry Workshop.*
- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries and affiliated companies: Không có/ None.*

#### 4. Định hướng phát triển/ *Development Orientation*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *The Company's main objectives:*
  - + Đảm bảo vận hành các TM an toàn - liên tục - kinh tế - môi trường. Sản lượng điện thương phẩm hàng năm theo thiết kế đạt từ 6,5 tỷ kWh trở lên theo hợp đồng mua bán điện (PPA) và đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường/ *Ensure safe, continuous, economical, and environmentally compliant operation of the units. The annual commercial electricity output is designed to reach 6.5 billion kWh or more under the Power Purchase Agreement (PPA) and comply with environmental standards.*
  - + Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) hàng năm ổn định, có hiệu quả và phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao với mức lợi nhuận đạt ở mức hợp lý/ *Ensure stable and efficient annual business operations, striving to exceed the assigned plan targets with reasonable profitability;*
  - + Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa, cải tạo nâng cấp máy móc thiết bị, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của Hệ thống điện quốc gia, đặc biệt kế hoạch vận hành mùa khô hàng năm. Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đầy đủ/ *Effectively implement maintenance and equipment upgrade plans to enhance equipment availability, meeting the electricity demand of the National Power System, particularly for the annual dry season operation plan. Fully participate in the competitive electricity generation market;*
  - + Đảm bảo và phát triển vốn của các Cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động của Công ty/ *Safeguard and grow the shareholders' capital and improve the material and spiritual well-being of the Company's employees;*

- + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; phối hợp tham gia các chương trình an sinh xã hội tại địa phương/ *Fully comply with state budget obligations; coordinate participation in local social welfare programs.*
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Medium- and long-term development strategy:*
  - + Bám sát thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm và kế hoạch trung hạn; đem lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông/ *Strictly follow the annual plan targets and medium-term plan to maximize benefits for shareholders;*
  - + Tiếp tục thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng, củng cố nâng cao độ sẵn sàng, hiệu suất của thiết bị; giảm dần suất hao nhiệt; vận hành các tổ máy đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường/ *Continue effective maintenance, strengthen equipment availability and efficiency; gradually reduce heat loss; operate units in compliance with environmental standards.*
  - + Tập trung thực hiện các đề án, dự án liên quan nhằm đảm bảo các thông số môi trường; Nghiên cứu chuyển đổi nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất/ *Focus on implementing relevant projects to ensure environmental compliance; research and transition fuel sources for production.*
  - + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; phối hợp tham gia các chương trình an sinh xã hội tại địa phương/ *Fully comply with state budget obligations; coordinate participation in local social welfare programs.*
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Sustainable development objectives (environmental, social, and community) and key short- and medium-term programs of the Company:*
  - + Tiếp tục thực hiện công tác xử lý, tiêu thụ tro bay với các đơn vị bao tiêu xử lý, góp phần giảm thiểu lượng tro xỉ thải lên bãi thải xỉ của Nhà máy cũng như tăng doanh thu cho Công ty/ *Continue fly ash treatment and disposal with contracted units, contributing to the reduction of ash waste at the Plant's landfill and increasing Company revenue;*
  - + Vận hành ổn định, liên tục hệ thống kết nối, khai báo số liệu quan trắc môi trường tự động và hệ thống quan trắc nước làm mát bình ngưng theo yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Ninh/ *Operate the system stably and continuously, report automatic environmental monitoring data, and manage the cooling water monitoring system of the condenser as required by Quang Ninh Provincial People's Committee;*

- + Vận hành các tổ máy đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường song song thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải của Nhà máy theo QCVN 19:2024/BTNMT ngày 30/12/2024 cho giai đoạn tiếp theo/ *Operate units in compliance with environmental standards while implementing the project to upgrade and renovate the plant's emission treatment system to meet the Plant's emission standards according to QCVN 19:2024/BTNMT dated December 30, 2024, for the next phase;*
- + Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, hướng tới sự phát triển bền vững và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương/ *Ensure occupational safety, fire prevention, environmental hygiene, and improve working conditions for employees, promoting sustainable development and contributing positively to local socio-economic development;*
- + Tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội của địa phương/ *Actively participate in local social welfare programs.*

## 5. Các rủi ro/ *Risks*

- Huy động công suất, sản lượng từ Hệ thống với biên độ rộng, gây bất lợi trong công tác vận hành cũng như chuẩn bị nguyên, nhiên liệu, vật tư tiêu hao phục vụ vận hành/ *Wide-range dispatch of capacity and output from the System may create disadvantages in operational management as well as in the preparation of fuels, raw materials, and consumables for operation.*
- Độ tin cậy, ổn định, khả dụng trong vận hành của các Tổ máy vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro, do chất lượng hệ thống thiết bị không cao, suy giảm theo thời gian vận hành, mặc dù được quan tâm củng cố, cải thiện/ *The reliability, stability, and availability of the Units in operation still carry significant risks due to the suboptimal quality of the equipment systems, which degrade over time, despite ongoing maintenance and improvement efforts;*
- Diễn biến thời tiết cực đoan, mưa lũ xuất hiện trong thời gian dài và trên diện rộng/ *Extreme weather events, including prolonged and widespread rainfall and flooding.*

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operational Situation During the Year*

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Business and Production Activities*

- Kết quả hoạt động sản xuất điện trong năm/ *Electricity production results during the year:*

- + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 6,91 tỷ kWh, đạt 88,5% so với kế hoạch năm và bằng 92,6% so với thực hiện năm 2024/ *Total electricity output reached 6.91 billion kWh, achieving 88.5% of the annual plan and 92.6% compared to the 2024 actual performance;*
- + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,30 tỷ kWh, đạt 89,4% so với kế hoạch năm và bằng 92,8% so với thực hiện cùng kỳ năm 2024/ *Total commercial electricity output reached 6.30 billion kWh, achieving 89.4% of the annual plan and 92.8% compared to the same period in 2024;*
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Performance relative to the plan:*

1	Lợi nhuận theo kế hoạch ( <i>sau thuế TNDN</i> )/ <i>Planned profit (after corporate income tax)</i>	460,00	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>
2	Lợi nhuận thực hiện ( <i>bao gồm CLTG, sau thuế TNDN</i> )/ <i>Actual profit (including foreign exchange differences, after corporate income tax)</i>	1.035,90	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2025/ <i>Undistributed after-tax profit accumulated up to December 31, 2025</i>	1.053,72	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>

**Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Personnel:***

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Executive Management Board:*

<b>a)</b>	<b>Ông Nguyễn Việt Dũng</b>	
*	Chức vụ hiện tại/ <i>Current Position</i>	- Thành viên HĐQT/ <i>Member of the Board of Directors</i> - Tổng giám đốc/ <i>General Director</i>
*	Giới tính/ <i>Gender</i>	Nam/ <i>Male</i>
*	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of Birth</i>	04/01/1968/ <i>January 4, 1968</i>
*	Nơi sinh/ <i>Place of Birth</i>	Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh/ <i>Thi Cau Ward, Bac Ninh City, Bac Ninh Province</i>
*	Quốc tịch/ <i>Nationality</i>	Việt Nam
*	Dân tộc/ <i>Ethnicity</i>	Kinh
*	Quê quán/ <i>Hometown</i>	Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh/ <i>Thi Cau Ward, Bac Ninh City, Bac Ninh Province</i>
*	Địa chỉ thường trú/ <i>Permanent Address</i>	SN 101, Tổ 44B khu phố Quang Trung 12, Phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh/ <i>No.101, Residential Group No. 44B, Quang Trung 5 Quarter, Uong Bi Ward, Quang Ninh Province</i>
*	Điện thoại/ <i>Phone Number</i>	0944042068
*	Trình độ văn hóa/ <i>Educational Background</i>	12/12
*	Số CCCD/ <i>Citizen ID Number</i>	027068003910 cấp ngày 12/4/2022/ <i>027068003910, issued on April 12, 2022</i>
*	Trình độ chuyên môn/ <i>Professional Qualification</i>	- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh/ <i>Master's Degree in Business Administration</i> - Kỹ sư công nghệ chế tạo máy/ <i>Engineer in Mechanical Technology</i> - Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế/ <i>Bachelor of International Business Administration</i>

*	<b>Quá trình công tác/ Work Experience</b>	
	Từ 04/1988 - 12/2002/ <i>From April of 1988 to December of 2002</i>	Công nhân thợ lắp máy Công ty cổ phần Lilama 69-1/ <i>Worker at Lilama 69-1 Joint Stock Company</i>
	Từ 01/2003 - 05/2007/ <i>From January of 2003 to May of 2007</i>	Cán bộ kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 69-1/ <i>Technical Officer at Lilama 69-1 Joint Stock Company</i>
	Từ 06/2007- 12/2007/ <i>From June of 2007 to December of 2007</i>	Đội phó đội lắp máy, Công ty cổ phần Lilama 69-1/ <i>Deputy Team Leader of the Assembly Team at Lilama 69-1 Joint Stock Company</i>
	Từ 01/2008 - 08/2009/ <i>From January of 2008 to August of 2009</i>	Phân xưởng Lò - Máy, Công ty Nhiệt điện Uông Bí/ <i>Furnace - Machine Department, Uong Bi Thermal Power Company</i>
	Từ 09/2009 - 08/2010/ <i>From September of 2009 to August of 2010</i>	Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Uông Bí/ <i>Technical Officer at Uong Bi Thermal Power Company</i>
	Từ 09/2010 - 07/2012/ <i>From September of 2010 to July of 2012</i>	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Uông Bí/ <i>Deputy Head of the Technical Department at Uong Bi Thermal Power Company</i>
	Từ 08/2012 - 31/01/2013/ <i>From August of 2012 – January 31<sup>st</sup>, 2013</i>	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí/ <i>Head of the Technical Department at Uong Bi Thermal Power Company (MTV)</i>
	Từ 01/02/2013 - 15/4/2016/ <i>From February 1<sup>st</sup>, 2013 to April 15<sup>th</sup>, 2016</i>	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1/ <i>Deputy Head of the Production Technical Department at Power Generation Corporation 1</i>
	Từ 16/4/2016 - 15/9/2019/ <i>April 16<sup>th</sup>, 2016 to September 15<sup>th</sup>, 2019</i>	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí (kiêm Trưởng phòng KHVT đến tháng 6/2017)/ <i>Deputy General Director at Uong Bi Thermal Power Company (also Head of the Planning Department until June 2017)</i>
	Từ 16/9/2019 - 28/02/2020/ <i>September 16<sup>th</sup>, 2019 to February 28<sup>th</sup>, 2020</i>	Phó Trưởng Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1/ <i>Deputy Head of the Production Technical Department at Power Generation Corporation 1</i>
	Từ 01/3/2020 - 30/4/2024/ <i>From March 01<sup>st</sup>, 2020 to April 30<sup>th</sup>, 2024</i>	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Deputy General Director at Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 01/5/2024 - 30/9/2024/ <i>From May 01<sup>st</sup> to September 30<sup>th</sup>, 2024</i>	Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Acting General Director at Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 01/10/2024 đến nay/ <i>From October 01<sup>st</sup>, 2024 up to now</i>	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>General Director at Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Số cổ phần hiện đang nắm giữ/ <i>Shares Held</i>	Đại diện sở hữu: 37.798.765 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1 (tương đương 20%)./ <i>Representative Ownership: 37.798.765 shares owned by Power Generation Corporation 1 (equivalent to 20%)</i>
*		

		Sở hữu cá nhân: Không/ <i>Personal Ownership: None</i>
*	Hành vi vi phạm pháp luật/ <i>Legal Violations:</i>	Không/ <i>None</i>
*	Các khoản nợ đối với Công ty/ <i>Debts to the Company</i>	Không/ <i>None</i>
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty/ <i>Relevant Interests in the Company</i>	Lương và phụ cấp/ <i>Salary and allowances</i>
*	Số cổ phần những người có liên quan/ <i>Shares Held by Related Persons</i>	Không/ <i>None</i>
<b>b)</b>	<b>Ông Lê Việt Cường/ <i>Mr Le Viet Cuong</i></b>	
*	Chức vụ hiện tại/ <i>Current Position</i>	Phó Tổng giám đốc/ <i>Deputy General Director</i>
*	Giới tính/ <i>Gender</i>	Nam/ <i>Male</i>
*	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of Birth</i>	01/11/1979
*	Nơi sinh/ <i>Place of Birth</i>	Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh/ <i>Trung Vuong Ward, Uong Bi City, Quang Ninh Province</i>
*	Quốc tịch/ <i>Nationality</i>	Việt Nam
*	Dân tộc/ <i>Ethnicity</i>	Kinh
*	Quê quán/ <i>Hometown</i>	Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương/ <i>Thất Hùng, Kinh Môn District, Hai Duong Province</i>
*	Địa chỉ thường trú/ <i>Permanent Address</i>	SN 07, Ngõ 45, Trung Nhi, Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh/ <i>No. 07, Alley 45, Trung Nhi, Trung Vuong, Uong Bi City, Quang Ninh Province</i>
*	Điện thoại/ <i>Phone Number</i>	0913370971
*	Trình độ văn hóa/ <i>Educational Background</i>	12/12
*	Số CCCD/ <i>Citizen ID Number</i>	022079013516 cấp ngày 24/3/2022 Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>022079013516 issued on 24/03/2022 by the Department of Criminal Justice Administration Police</i>
*	Trình độ chuyên môn/ <i>Professional Qualification</i>	- Kỹ sư Công nghệ nhiệt/ <i>Thermal Technology Engineer</i> - Cử nhân quản trị kinh doanh/ <i>Bachelor's Degree in Business Administration</i>
*	Quá trình công tác/ <i>Work Experience</i>	
	Từ 02/2004 - 11/2014/ <i>From February of 2004 to November of 2014</i>	Công tác tại Công ty Nhiệt điện Uông Bí/ <i>Work at Uong Bi Thermal Power Company</i>
	Từ 12/2014 - 19/3/2015/ <i>From December of 2014 to March 19<sup>th</sup>, 2015</i>	Kỹ thuật viên Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Technician, Boiler Workshop, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 20/03/2015 - 06/09/2015/ <i>From March 20<sup>th</sup>, 2015 to September 06<sup>th</sup>, 2015</i>	Phó Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Deputy Foreman, Boiler Workshop, Quang Ninh Thermal Power</i>

		<i>Joint Stock Company</i>
	Từ 07/09/2015 - 06/09/2019/ <i>From September 07<sup>th</sup>, 2015 to September 06<sup>th</sup>, 2015</i>	Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Foreman, Boiler Workshop, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 01/03/2017 - 15/11/2017/ <i>From March 01<sup>st</sup>, 2017 to November 15<sup>th</sup>, 2017</i>	Phó trưởng phòng phụ trách, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Deputy Head of the Production Technical Department, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 16/11/2017 - 24/3/2019/ <i>November 16<sup>th</sup> 2017 to March 24<sup>th</sup>, 2019</i>	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Head of the Technical Department, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ ngày 25/3/2019 đến nay/ <i>From March 25<sup>th</sup> 2019 up to now</i>	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Deputy General Director, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ/ <i>Shares Held</i>	Không/ <i>None</i>
*	Hành vi vi phạm pháp luật/ <i>Legal Violations</i>	Không/ <i>None</i>
*	Các khoản nợ đối với Công ty/ <i>Debts to the Company</i>	Không/ <i>None</i>
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty/ <i>Relevant Interests in the Company</i>	Lương và phụ cấp/ <i>Salary and allowances</i>
*	Số cổ phần những người có liên quan/ <i>Shares Held by Related Persons</i>	Không/ <i>None</i>
<b>c)</b>	<b>Ông Trần Vũ Linh/ <i>Mr. Tran Vu Linh</i></b>	
*	Chức vụ hiện tại/ <i>Current Position</i>	Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>
*	Giới tính/ <i>Gender</i>	Nam/ <i>Male</i>
*	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of Birth</i>	02/10/1985/ <i>October 02th, 1985</i>
*	Nơi sinh/ <i>Place of Birth</i>	Quảng Yên, Quảng Ninh
*	Quốc tịch/ <i>Nationality</i>	Việt Nam
*	Dân tộc/ <i>Ethnicity</i>	Kinh
*	Quê quán/ <i>Hometown</i>	Phù Long, Mỹ Lộc, Nam Định
*	Địa chỉ thường trú/ <i>Permanent Address</i>	Tô 5, khu 8, Hạ Long, Quảng Ninh/ <i>Group 5, Zone 8, Ha Long, Quang Ninh</i>
*	Điện thoại/ <i>Phone Number</i>	0946751188
*	Trình độ văn hóa/ <i>Educational Background</i>	12/12
*	Số CCCD/ <i>Citizen ID Number:</i>	022085005722 cấp ngày 19/8/2025 Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/ <i>022085005722 issued on 19/8/2025 by the Department of Criminal Justice Administration Police</i>
*	Trình độ chuyên môn/ <i>Professional Qualification</i>	- Thạc sĩ Quản lý kinh tế/ <i>Master's Degree in Economic Management</i> - Cử nhân Kế toán doanh nghiệp/ <i>Bachelor's Degree in Business Accounting</i>
*	Quá trình công tác/ <i>Work Experience</i>	

	Từ 12/2007 - 19/3/2015/ <i>From December of 2007 to March 19<sup>th</sup> of 2015</i>	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Specialist, Finance and Accounting Department, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 20/3/2015 - 24/4/2016/ <i>From March 20<sup>th</sup> of 2015 to April 24<sup>th</sup> of 2016</i>	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Deputy Head of Finance and Accounting Department, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 25/4/2016 - 02/2017/ <i>From April 25<sup>th</sup> of 2016 to February of 2017</i>	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Deputy Head of Department, in charge of Finance and Accounting Department, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 01/3/2017 - 15/11/2017/ <i>From March 01, 2017 to November 15<sup>th</sup>, 2017</i>	Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Deputy Head, In charge of Finance and Accounting Department, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
	Từ 16/11/2017 đến nay/ <i>From November 16<sup>th</sup>, 2017 to now</i>	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Head of Finance and Accounting Department, Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>
*	Số cổ phần hiện đang nắm giữ / <i>Shares Held</i>	Không/ <i>None</i>
*	Hành vi vi phạm pháp luật/ <i>Legal Violations</i>	Không/ <i>None</i>
*	Các khoản nợ đối với Công ty/ <i>Debts to the Company</i>	Không/ <i>None</i>
*	Lợi ích liên quan đối với Công ty/ <i>Relevant Interests in the Company</i>	Lương và phụ cấp/ <i>Salary and allowances</i>
*	Số cổ phần những người có liên quan/ <i>Shares Held by Related Persons</i>	Không/ <i>None</i>

- Những thay đổi trong Ban điều hành/ *Changes in the Executive Board:* Không có/ *None.*

- Số lượng cán bộ, nhân viên/ *Number of employees:* Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 823 người/ *The total number of the Company's staff as of December 31, 2025, was 823.*

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments:*

Công ty đang triển khai thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải của Nhà máy theo QCVN 19:2024/BTNMT ngày 30/12/2024 với sơ bộ Tổng mức đầu tư 3.853 tỷ đồng/ *The Company is currently implementing a project to upgrade and renovate the plant's exhaust gas treatment system in order to comply with the emission standards of the*

Plant in accordance with QCVN 19:2024/BTNMT dated December 30, 2024, with a preliminary total investment amount of VND 3,853 billion.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries and Affiliates*: Không có/ *None*.

### 3. Tình hình tài chính/ *Financial Position*

#### a) Tình hình tài chính/ *Financial Position Overview*

Đơn vị tính: Triệu đồng/ *Unit: VND million*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/Year 2024	Năm/Year 2025	% tăng giảm/ <i>increase decrease</i>
Tổng giá trị tài sản/Total assets	7.422.915	7.775.427	4,75
Doanh thu thuần (mã số 10)/ <i>Net revenue (Code 10)</i>	11.908.408	10.785.792	-9,43
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (mã số 30)/ <i>Profit from operating activities (Code 30)</i>	690.710	1.333.626	93,08
Lợi nhuận khác (mã số 40)/ <i>Other profit (Code 40)</i>	- 2.205	-2.317	5,08
Lợi nhuận trước thuế (mã số 50)/ <i>Profit before tax (Code 50)</i>	688.506	1.331.309	93,36
Lợi nhuận sau thuế (mã số 60)/ <i>Profit after tax (Code 60)</i>	619.256	1.035.904	67,28
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Dividend payout ratio</i>	12%		

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Key Financial Ratios*

Các chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	2024	2025
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Liquidity Ratios</i></b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)/ <i>Current ratio (Current assets/ Current liabilities)</i>	2,03	3,09
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)/ <i>Quick ratio ((Current assets – Inventories) / Current liabilities)</i>	1,63	2,69
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>Capital Structure Ratios</i></b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)/ <i>Debt to total assets ratio (times)</i>	0,32	0,24
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)/ <i>Debt to equity ratio (times)</i>	0,47	0,31
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operating Efficiency Ratios</i></b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (lần)/ <i>Inventory turnover (Cost of goods sold / Average inventory)</i>	13,80	11,66
+ Vòng quay tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (lần)/ <i>Asset turnover (Net revenue / Average total assets)</i>	1,61	1,42
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability Ratios</i></b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)/ <i>Net profit margin (%)</i>	5,20	9,60
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)/ <i>Return on equity</i>	12,25	17,47

<b>Các chỉ tiêu/ Indicators</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>
<i>(ROE) (%)</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)/ <i>Return on assets (ROA) (%)</i>	8,34	13,32
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)/ <i>Operating profit margin (%)</i>	5,80	12,36

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu/ *Shareholding Structure and Changes in Owners' Equity*

a) Cổ phần/Shares: 450.000.000 cổ phần chuyển nhượng tự do/ *450,000,000 freely transferable shares.*

b) Cơ cấu cổ đông/ *Shareholding Structure*: Theo danh sách chủ cổ đông tại ngày 27/01/2026/ *Based on the shareholder list as of January 27, 2026:*

<b>TT</b>	<b>Tên cổ đông/ Shareholder Category</b>	<b>Số lượng cổ đông/ No. of Shareholders</b>	<b>Số lượng cổ phần nắm giữ/ Shares Held</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ (%)/ Ownership (%)</b>
<b>I.</b>	<b>Cổ đông trong nước/ Domestic shareholders</b>	<b>5.738</b>	<b>445.740.490</b>	<b>99,053</b>
1.	Tổ chức/ <i>Institutional</i>	31	401.227.016	89,162
2.	Cá nhân/ <i>Individual</i>	5.707	44.513.474	9,892
<b>II.</b>	<b>Cổ đông nước ngoài/ Foreign shareholders</b>	<b>35</b>	<b>4.259.510</b>	<b>0,947</b>
1.	Tổ chức/ <i>Institutional</i>	8	4.126.050	0,917
2.	Cá nhân/ <i>Individual</i>	27	133.460	0,030
	<b>Tổng cộng/ Total</b>	<b>5.773</b>	<b>450.000.000</b>	<b>100,000</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Changes in Owners' Equity*: Trong năm 2025, Công ty không thay đổi vốn điều lệ/ *In 2025, the Company did not change its charter capital.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Treasury Share Transactions*: Không có/ *None.*

e) Các chứng khoán khác/ *Other Securities*: Không có/ *None.*

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty/ *Report on Environmental and Social Impacts*

5.1. Tác động lên môi trường/ *Environmental Impacts*

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/ *Total direct and indirect GHG emissions*: Công ty đã có Văn bản số 421/NĐQN-ATMT ngày 27/03/2025 đề nghị cấp thẩm quyền thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính năm 2024 và hiện đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định cho năm 2025/ *The Company issued Document No. 421/NĐQN-ATMT dated March 27, 2025 requesting the competent authority to*

*appraise the 2024 greenhouse gas inventory report and is currently finalizing the dossier for submission for appraisal for 2025.*

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Initiatives and measures to reduce GHG emissions:*
  - + Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (hiện đang trong giai đoạn trình duyệt các cấp thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư) thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải của Nhà máy theo QCVN 19:2024/BTNMT ngày 30/12/2024/ *The Company is in the investment preparation stage (under review by competent authorities) for a project to upgrade and renovate the exhaust gas treatment system to comply with QCVN 19:2024/BTNMT dated December 30, 2024;*
  - + Đã phê duyệt Dự án chuyển đổi dầu FO-DO cho các Tổ máy của Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh tại Quyết định 2111/QĐ-NĐQN ngày 03/12/2025; hiện Công ty đang tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án/ *The FO-DO fuel conversion project for generating units was approved under Decision No. 2111/QĐ-NĐQN dated December 3, 2025; the Company is currently selecting contractors.*

## 5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Raw Material Management:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm/ *Total raw materials consumed:*

- Tổng lượng than đốt là 3.361.525,79 tấn/ *Coal consumption: 3,361,525.79 tons.*
- Tổng lượng dầu đốt kèm và khởi động: dầu FO là 7.443.300,25 tấn; dầu DO là 3.209,64 lít/ *Fuel oil: FO: 7,443,300.25 tons; DO: 3,209.64 liters.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính/ *Percentage of recycled materials used:* Không có/*None.*

## 5.3. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy Consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Direct and indirect energy consumption:*

- Năng lượng nhiệt tỏa ra thông qua quá trình đốt than, dầu trong lò hơi/ *Thermal energy generated from coal and oil combustion.*
- Năng lượng điện để phục vụ công tác bảo dưỡng, sửa chữa và phát điện là 9,0% tương đương 603.374.807 kWh/ *Electricity consumption for operation and maintenance: 9.0%, equivalent to 603,374,807 kWh.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy Savings from Efficiency Initiatives:* Tiếp tục thực hiện chương

trình tiết kiệm điện tự dùng trong nhà máy/ thực hành chương trình tiết kiệm điện tại nơi làm việc của EVN và thực hiện định kỳ kiểm toán năng lượng tổ máy theo quy định của Bộ Công thương/ *The Company continues to implement internal power-saving programs within the plant and practices workplace electricity-saving initiatives under EVN's programs, while conducting periodic energy audits of generating units in accordance with the regulations of the Ministry of Industry and Trade.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng/ *Energy Efficiency Initiatives and Reporting:*

- Thực hành chương trình tiết kiệm điện trong EVN/ *Implementation of electricity-saving programs within EVN;*
- Tiếp tục chuyên đổi các thiết bị tiêu thụ điện truyền thống sang tiết kiệm năng lượng/ *Continued replacement of conventional electricity-consuming equipment with energy-efficient alternatives.*
- Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMTĐ Quảng Ninh 2021-2025/Song song kiểm điểm rút kinh nghiệm, cập nhật sửa đổi nội dung đề án cho phù hợp với quá trình thực hiện/ *Ongoing implementation of the project to enhance reliability and operational efficiency of Quang Ninh Thermal Power Plant for the 2021–2025 period, alongside review, lessons learned, and updates to align with actual implementation.*
- Áp dụng các cải tiến, sáng kiến, ứng dụng chuyên đổi số trong năm, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và điện tự dùng/ *Application of improvements, innovations, and digital transformation solutions to reduce consumption of raw materials, fuels, and internal power usage.*
- Kết quả/ *Results:*
  - + Tỷ lệ điện tự dùng thực hiện bình quân năm 2025 (8,74%), thấp hơn định mức PPA (9,61%)/ *Average internal power consumption ratio in 2025: 8.74%, lower than the PPA benchmark (9.61%);*
  - + Suất hao nhiệt thực hiện bình quân năm 2025 (10.968,84 kJ/kWh), mặc dù còn cao hơn định mức PPA (10.505,1 kJ/kWh), tuy nhiên đáp ứng được mục tiêu kế hoạch năm 2025 và thấp hơn thực hiện bình quân năm 2024 (11.189,18 kJ/kWh)/ *Average heat rate in 2025: 10,968.84 kJ/kWh, higher than the PPA benchmark (10,505.1 kJ/kWh) but meeting the 2025 plan target and lower than the 2024 level (11,189.18 kJ/kWh);*
  - + Suất tiêu hao dầu FO thực hiện bình quân năm 2025 (1,18 g/kWh), thấp hơn định mức PPA và thực hiện bình quân năm 2024 (1,28 g/kWh)/ *Average FO oil consumption rate in 2025: 1.18 g/kWh, lower than both the PPA benchmark and the 2024 level (1.28 g/kWh);*

#### 5.4. Tiêu thụ nước/ *Water Consumption*:

##### a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water Sources and Consumption*

- Nước ngọt: Từ nguồn nước ngọt Hồ Cao Vân, lượng nước sử dụng trong năm là 1.826.414 m<sup>3</sup>/ *Freshwater: Sourced from Cao Van Reservoir, with total annual consumption of 1,826,414 m<sup>3</sup>.*
- Nước tuần hoàn: Lượng nước sử dụng trong năm là 1.178.477.268 m<sup>3</sup> được lấy từ sông Diên Vọng (Báo cáo số 71/BC-NĐQN ngày 13/01/2026)/ *Circulating water: Total annual consumption of 1,178,477,268 m<sup>3</sup>, abstracted from Dien Vong River (Report No. 71/BC-NĐQN dated January 13, 2026).*

##### b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng (Báo cáo 78/BC-NĐQN ngày 14/01/2026)/ *Percentage and Total Volume of Recycled and Reused Water (Report No. 78/BC-NĐQN dated January 14, 2026):*

- Nước thải công nghiệp sau khi xử lý được đưa vào tái sử dụng, không thải ra môi trường, tổng là 60.764 m<sup>3</sup>/ *Treated industrial wastewater is fully reused with no discharge into the environment, totaling 60,764 m<sup>3</sup>.*
- Nước thải làm mát bình ngưng là nước tuần hoàn làm mát, tổng 1.178.477.268 m<sup>3</sup>/ *Condenser cooling wastewater consists of recirculated cooling water, totaling 1,178,477,268 m<sup>3</sup>.*

#### 5.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with Environmental Protection Laws*:

##### a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of violations resulting in penalties for non-compliance with environmental laws and regulation*: Không có/None.

##### b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Total monetary penalties incurred for non-compliance with environmental laws and regulations*: Không có/ None.

#### 5.6. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Employee-Related Policies*:

##### a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Workforce and Average Salary*:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2025 là 823 người/ *The total number of employees of the Company as of December 31, 2025 was 823.*
- Mức lương bình quân toàn Công ty năm 2025 là 38,68 triệu đồng/người/tháng/ *The average salary across the Company in 2025 was VND 38.68 million per employee per month.*



khó khăn, bệnh tật, tổ chức hoạt động tháng Công nhân, bữa cơm Công đoàn, tổ chức Hội nghị NLD các cấp năm 2025/ *The Company collaborates with the grassroots trade union and its affiliated units to provide material and spiritual support to employees in difficult circumstances or facing illness, and organizes activities such as Workers' Month, Trade Union meals, and employee conferences at all levels in 2025.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training and Development:*

- Công ty chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý lao động, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực. Tập trung công tác đào tạo theo chiều sâu để nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng đào tạo từ các khâu nội dung chương trình, chất lượng giảng viên và chú trọng khâu kiểm tra, sát hạch sau quá trình đào tạo; người lao động thông thạo nhiều kỹ năng công việc, có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí/ *The Company focuses on enhancing labor management efficiency and human resource development through in-depth training programs; improving training content, instructor quality, and post-training evaluation; enabling employees to acquire multiple skills and perform various job functions.*
- Tổ chức thăm quan, học tập trao đổi kinh nghiệm cũng như chia sẻ kinh nghiệm với các đơn vị trong ngành và các nhà máy trong và ngoài nước theo các chuyên đề, vị trí công việc/ *In addition, the Company organizes study visits, knowledge exchange, and experience-sharing programs with industry peers and power plants domestically and internationally, tailored to specific topics and job positions.*

5.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on Community Responsibility:*

- Tăng cường các hoạt động an sinh xã hội. Công ty đã tổ chức các hoạt động thiết thực ủng hộ nhân dân và chính quyền địa phương. Tổng số tiền hỗ trợ, ủng hộ các tổ chức xã hội của Công ty trong năm 2025 là: 325 triệu đồng/ *The Company has strengthened its social welfare initiatives by organizing practical activities to support local communities and authorities. The total amount contributed to social organizations in 2025 was VND 325 million.*
- Phát động Quyên góp ủng hộ an sinh nội bộ đối với người lao động Công ty; ủng hộ đồng bào khắc phục bão lũ thiên tai và giúp đỡ nhân dân Cuba với tổng số tiền thu được là 385 triệu đồng. Quyên góp ủng hộ đồng bào Miền Trung, Tây Nguyên bị thiệt hại do bão lũ năm 2025 là 388 triệu đồng/ *The Company launched internal fundraising programs to support its employees, while also contributing to disaster relief efforts and providing assistance to the people of Cuba, with total contributions*

amounting to VND 385 million. In addition, the Company donated VND 388 million to support communities in the Central and Central Highlands regions affected by natural disasters in 2025.

5.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Report on Green Capital Market Activities in accordance with SSC Guidelines*: Chưa có/ *None*.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc/ *Report and Assessment by the Board of General Directors***

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of Business and Production Performance*

Bảng chỉ tiêu chính thực hiện năm 2025/ *Key Performance Indicators for 2025*

TT	Nội dung/ <i>Item</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	KH năm 2025/ <i>2025 Plan</i>	TH năm 2025/ <i>2025 Actual</i>	So sánh (%)/ <i>Comparison (%)</i>
1	Sản lượng điện sản xuất/ <i>Electricity Generation</i>	Tỷ kWh/ <i>Billion kWh</i>	7,80	6,91	88,59
2	Sản lượng điện bán cho EVN/ <i>Electricity Sold to EVN</i>	Tỷ kWh/ <i>Billion kWh</i>	7,05	6,30	89,36
3	Tổng doanh thu/ <i>Total Revenue</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	11.933,00	10.818,90	90,66
4	Tổng chi phí/ <i>Total Expenses</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	11.357,00	9.487,59	83,54
7	Tổng lợi nhuận (trước thuế)/ <i>Total Profit (Before Tax)</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	575,00	1.331,31	231,53
8	Tổng lợi nhuận (sau thuế)/ <i>Total Profit (After Tax)</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	460,00	1.035,90	225,20
9	Cổ tức/ <i>Dividend</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	10%	*	

\*) QTP đã thực hiện trả tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền của Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh với tỷ lệ trả cổ tức 10% theo Thông báo số 164/TB-NĐQN ngày 29/01/2026/ *QTP has made an advance dividend payment for 2025 in cash from Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company at a dividend rate of 10% pursuant to Notice No. 164/TB-NĐQN dated January 29, 2026.*

Với không ít khó khăn thách thức trong năm 2025; tuy nhiên Công ty đã cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm. Để có được kết quả này, Công ty đã thực hiện các biện pháp/ *Despite numerous challenges in 2025, the Company fundamentally achieved its annual plan targets. To accomplish these results, the Company implemented the following measures:*

- Đề ra các kế hoạch, mục tiêu hoạt động ngay từ cuối năm trước. Chủ động thực hiện các giải pháp thực hiện kế hoạch phát điện mùa khô/ *Established operational plans and targets at the end of the previous*

*year; proactively implemented solutions for electricity generation during the dry season.*

- Thực hiện các giải pháp để tiến hành công tác sửa chữa lớn TM4; Chú trọng, tăng cường công tác quản lý, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị; Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMTD Quảng Ninh 2021-2025/Song song kiểm điểm rút kinh nghiệm, cập nhật sửa đổi nội dung đề án cho phù hợp với quá trình thực hiện/ *Carried out measures for major maintenance of Unit 4; enhanced management, maintenance, and repair of equipment; continued implementing the reliability and operational efficiency improvement plan for Quang Ninh Thermal Power Plant 2021–2025, while reviewing, drawing lessons, and updating the plan content in line with implementation.*
- Thực hiện tối ưu hóa chi phí trong mua sắm và sản xuất, giảm hàng tồn kho chậm luân chuyển; nâng cao năng suất lao động/ *Optimized procurement and production costs, reduced slow-moving inventory, and improved labor productivity.*
- Chủ động và linh hoạt trong tham gia Thị trường điện phát điện cạnh tranh/ *Actively and flexibly participated in the competitive electricity generation market.*
- Công tác tự kiểm tra và kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro được tăng cường trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa/ *Strengthened self-inspection, internal control, and risk management, particularly in bidding, procurement of materials and equipment, and supervision of operation and maintenance.*
- Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị Công ty/ *Maintained full compliance with State policies, resolutions of the General Meeting of Shareholders, and the Company’s Board of Directors.*

## 2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

### a) Tình hình tài sản/ *Assets*

*Đơn vị tính: Triệu đồng/ Million VND*

<b>Nội dung/ <i>Item</i></b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>	<b>% biến động/ % <i>Change</i></b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN/ <i>Current Assets</i></b>	<b>4.549.973</b>	<b>5.588.848</b>	<b>22,83</b>
Tiền và tương đương tiền/ <i>cash and Cash Equivalents</i>	35.536	72.707	104,60
Đầu tư tài chính ngắn hạn/ <i>Short-term Financial Investments</i>	521.500	1.461.500	180,25

<b>Nội dung/ Item</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>	<b>% biến động/ % Change</b>
Phải thu khách hàng/ <i>Accounts Receivable</i>	2.952.467	3.213.654	8,85
Trả trước cho người bán/ <i>Prepayments to Suppliers</i>	667	668	0,13
Các khoản phải thu khác/ <i>Other Receivables</i>	197.741	209.341	5,87
Dự phòng phải thu khó đòi/ <i>Provision for Doubtful Debts</i>	(189.319)	(189.319)	0,00
Hàng tồn kho/ <i>Inventories</i>	882.093	709.466	-19,57
Tài sản lưu động khác/ <i>Other Current Assets</i>	149.288	110.832	-25,76
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN/ <i>Non-current Assets</i></b>	<b>2.872.942</b>	<b>2.186.579</b>	<b>-23,89</b>
Phải thu dài hạn/ <i>Long-term Receivables</i>			
Tài sản cố định/ <i>Fixed Assets</i>	2.811.018	2.126.492	-24,35
Đầu tư tài chính dài hạn/ <i>Long-term Financial Investments</i>			
XDCB dở dang/ <i>Construction in Progress</i>	5.522	7.032	27,35
Tài sản dài hạn khác/ <i>Other Non-current Assets</i>	56.401	53.054	-5,93
<b>TỔNG TÀI SẢN/ <i>TOTAL ASSETS</i></b>	<b>7.422.915</b>	<b>7.775.427</b>	<b>4,75</b>

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 7.775.427 triệu đồng, tăng 4,75% so với thời điểm 31/12/2024/ *The Company's total assets as of December 31, 2025, amounted to VND 7,775,427 million, representing an increase of 4.75% compared to December 31, 2024.*

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là 5.588.848 triệu đồng, tăng 22,83% so với thời điểm ngày 31/12/2024, chủ yếu do khoản mục Tiền và tương đương tiền, Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng/ *Current assets as of December 31, 2025, were VND 5,588,848 million, up 22.83%, mainly due to increases in Cash and Cash Equivalents and Short-term Financial Investments.*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

*Đơn vị tính: Triệu đồng/ Unit: Million VND*

<b>Nội dung/ Item</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>	<b>% biến động/ % Change</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ/ <i>Liabilities</i></b>	<b>2.367.734</b>	<b>1.845.704</b>	<b>-22,05</b>
<b>Nợ ngắn hạn/ <i>Current Liabilities</i></b>	<b>2.244.984</b>	<b>1.810.578</b>	<b>-19,35</b>
Phải trả người bán/ <i>Accounts Payable</i>	1.434.710	1.212.722	-15,47
Người mua trả tiền trước/ <i>Advances from Customers</i>		0,69	
Vay và nợ ngắn hạn/ <i>Short-term Loans and Borrowings</i>	75.000		-100,00
Thuế phải nộp/ <i>Taxes Payable</i>	20.825	163.350	684,39

<b>Nội dung/ Item</b>	<b>2024</b>	<b>2025</b>	<b>% biến động/ % Change</b>
Phải trả người lao động/ <i>Payables to Employees</i>	149.697	221.487	47,96
Chi phí phải trả ngắn hạn/ <i>Short-term Accrued Expenses</i>	1.011	4.527	347,77
Các khoản phải trả khác/ <i>Other Payables</i>	459.621	87.833	-80,89
Dự phòng phải trả ngắn hạn/ <i>Short-term Provisions</i>			
Quỹ khen thưởng phúc lợi/ <i>Welfare and Bonus Fund</i>	104.120	120.659	15,88
<b>Nợ dài hạn/ Long-term Liabilities</b>	<b>122.750</b>	<b>35.126</b>	<b>-71,38</b>
Vay và nợ dài hạn/ <i>Long-term Loans and Borrowings</i>	117.750		

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2025 của Công ty là 1.845.704 triệu đồng, giảm 22,05% so với thời điểm 31/12/2024, trong đó khoản mục nợ ngắn hạn giảm 19,35% và khoản mục nợ dài hạn giảm 71,38%/ *Total liabilities as of December 31, 2025, amounted to VND 1,845,704 million, a decrease of 22.05% compared to December 31, 2024. Of this, current liabilities decreased by 19.35% and long-term liabilities decreased by 71.38%.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Organizational, Policy, and Management Improvements:*

- Hoàn thành thực hiện sắp xếp, tinh gọn cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và phê duyệt định biên lao động Công ty theo Nghị quyết số 98/NQ-NĐQN ngày 29/7/2025 của HĐQT và Nghị quyết số 02/NQ-ĐU ngày 23/7/2025 của Đảng ủy Công ty/ *Completed the reorganization and streamlining of the Company's organizational structure and management apparatus, and approved the staffing norms of the Company in accordance with Resolution No. 98/NQ-NĐQN dated July 29, 2025, of the Board of Directors, and Resolution No. 02/NQ-ĐU dated July 23, 2025, of the Company's Party Committee;*
- Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy hoạch, quy hoạch bổ sung các vị trí cán bộ quản lý; Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển cán bộ quản lý tại một số đơn vị/ *Continued review and adjustment of the management personnel plan, including the addition of management positions; carried out appointments, reappointments, transfers, and rotations of management staff in certain units;*
- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nội bộ trong Công ty theo hướng phù hợp với các quy chế quản lý nội bộ trong Tổng công ty Phát điện 1, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Nhà nước/ *Continued revision and supplementation of the*

*Company's internal management regulations to ensure consistency with the internal management regulations of EVNGENCO 1, Vietnam Electricity Group, and current applicable laws and regulations of the State.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Future Development Plan*

Thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải của Nhà máy theo QCVN 19:2024/BTNMT ngày 30/12/2024/ *Implement the project to upgrade and renovate the plant's emission treatment system to comply with the plant's emission standards under QCVN 19:2024/BTNMT dated December 30, 2024;*

Hoàn thành chuyển đổi nhiên liệu phục vụ đốt kèm, khởi động từ dầu FO sang dầu DO/ *Complete the fuel conversion for auxiliary and start-up firing from FO oil to DO oil;*

Vận hành các tổ máy đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường và thực hiện các giải pháp đảm bảo lưu lượng và nhiệt độ nước làm mát đầu vào/ra của Nhà máy/ *Operate the generating units in compliance with environmental standards and implement measures to ensure the plant's cooling water flow rate and inlet/outlet temperatures.*

Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức; thay thế các thiết bị có chất lượng tốt hơn, ổn định hơn/ *Continue implementing the project to enhance reliability and availability, reduce coal consumption rate, and restore unit output to standard levels; replace equipment with higher-quality and more stable units.*

Hoàn thành công tác sửa chữa lớn TM theo đúng kế hoạch, tiến độ, đảm bảo chất lượng đề ra/ *Complete major maintenance of the generating units according to the planned schedule and ensure the required quality standards.*

Rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ, luân chuyển các vị trí chức danh, tiếp tục chú trọng công tác đào tạo cán bộ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động để Công ty ổn định phát triển một cách bền vững/ *Review and supplement personnel planning, rotate positions, continue focusing on staff training, enhance human resource quality, and increase labor productivity to ensure the Company's sustainable and stable development.*

Tiếp tục áp dụng các ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, chuyển đổi số trong quản lý điều hành và sản xuất/ *Continue applying information technology, automation, and digital transformation in management, administration, and production.*

Duy trì phối hợp với chính quyền địa phương, Tổng công ty Phát điện 1 và Tập đoàn điện lực Việt Nam thực hiện tốt công tác an sinh xã hội/ *Maintain*

*coordination with local authorities, EVNGENCO 1, and Vietnam Electricity Group to effectively implement social welfare activities.*

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán/ *Management's Explanation Regarding Audit Comments: Không/ None.*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty/ *ESG Assessment Report of the Company*

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường/ *Assessment Related to Environmental Indicators:*

- Các thông số môi trường của Nhà máy được cơ quan quản lý nhà nước (Sở TNMT) quan trắc, giám sát tự động/ *The plant's environmental parameters are monitored and automatically supervised by the competent state authority (Department of Natural Resources and Environment – DONRE).*
- Công ty đã và đang triển khai thực hiện các dự án nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường trong hiện tại và tương lai như: Triển khai dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải của Nhà máy theo QCVN 19:2024/BTNMT ngày 30/12/2024; Thực hiện dự án chuyển đổi nhiên liệu phục vụ đốt kèm, khởi động từ dầu FO sang dầu DO/ *The Company has been and continues to implement projects to ensure compliance with current and future environmental standards, such as: upgrading and renovating the plant's emission treatment system to meet the plant's emission standards under QCVN 19:2024/BTNMT dated December 30, 2024; and converting auxiliary and start-up fuel from FO oil to DO oil;*

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Assessment Related to Labor Issues:*

- Người lao động được đảm bảo mức thu nhập, chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, điều kiện làm việc theo quy định của Pháp luật/ *Employees are ensured adequate income, insurance benefits, healthcare, and working conditions in accordance with legal regulations.*
- Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn cơ sở, Công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ người lao động cả về vật chất, tinh thần; cơ chế thưởng, phạt công khai, minh bạch đã góp phần giúp người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động/ *The Company regularly cooperates with the grassroots and departmental Trade Unions to provide material and mental support to employees; the transparent reward and penalty system contributes to employee confidence at work and enhances labor productivity.*

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương/ *Assessment Related to the Company's Responsibility to the Local Community:*

- Trong năm 2025 Công ty đã hỗ trợ, ủng hộ các tổ chức xã hội tại địa phương với số tiền 325 triệu đồng/ *in 2025, the Company supported local social organizations with a total amount of VND 325 million.*
- Phát động Quyên góp ủng hộ đồng bào khắc phục bão lũ thiên tai và giúp đỡ nhân dân Cuba với tổng số tiền thu được là 385 triệu đồng. Quyên góp ủng hộ đồng bào Miền Trung, Tây Nguyên bị thiệt hại do bão lũ năm 2025 là 388 triệu đồng/ *The Company initiated fundraising campaigns to support citizens in overcoming storm and flood disasters and to assist the people of Cuba, with a total collected amount of VND 385 million. Donations to support the Central and Central Highlands regions affected by storms and floods in 2025 totaled VND 388 million.*

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty/ *Board of Directors' Assessment of the Company's Activities***

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty/ *Assessment of the Company's Operations*

- Về sản xuất kinh doanh/ *Business and Production:*
  - + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 6,91 tỷ kWh, đạt 88,5% so với kế hoạch năm và bằng 92,6% so với thực hiện năm 2024/ *Total electricity output reached 6.91 billion kWh, achieving 88.5% of the annual plan and 92.6% compared to 2024;*
  - + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,30 tỷ kWh, đạt 89,4% so với kế hoạch năm và bằng 92,8% so với thực hiện cùng kỳ năm 2024/ *Total commercial electricity reached 6.30 billion kWh, achieving 89.4% of the annual plan and 92.8% compared to 2024;*
  - + Hoàn thành công tác sửa chữa lớn các hạng mục thiết bị chính của TM4. Quá trình thi công đảm bảo chất lượng vận hành thiết bị TM, công tác an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường được đảm bảo/ *Major repairs of TM4's main equipment were completed, ensuring operational quality, occupational safety, fire protection, and environmental hygiene.*
- Về công tác Thị trường điện/ *Electricity Market:* Công ty đã hoàn thành tốt công tác vận hành thị trường điện và mang lại hiệu quả kinh tế. Trong công tác thanh toán tiền bán điện, Công ty đã lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu thanh toán với Công ty mua bán điện/ *The Company successfully managed electricity market*

*operations and prepared accurate and timely electricity sales payment documentation.*

- Về công tác tài chính/ *Finance*: Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật. Công ty đã cân đối, tối ưu dòng tiền để thanh toán các chi phí phát sinh cho hoạt động SXKD/ *The Company continued transparent financial management, compliance with the law, and optimized cash flow for business and operational expenses.*
- Về việc quyết toán các dự án hoàn thành: NMD Quảng Ninh 2/ *Quang Ninh 2 Power Plant*: Đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành/ *Investment settlement of the completed project was approved.*
- Về thực hiện các dự án ĐTXD trọng tâm/ *Key Investment Projects*:
  - + Dự án chuyển đổi dầu FO-DO/ *FO-DO Fuel Conversion Project*: Đã được phê duyệt dự án đầu tư, KHLCNT, hiện Công ty đang triển khai lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án/ *Investment project approved; contractor selection is in progress.*
  - + Dự án nâng cấp cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy/ *Exhaust Gas Treatment Upgrade Project*: Triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án/ *Implementing integrated solutions to accelerate project progress.*

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty/ *Assessment of the CEO and Executive Board*

- Theo định hướng của HĐQT, Ban điều hành Công ty đứng đầu là Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp trong sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn trong năm và chủ động chuẩn bị các điều kiện phục vụ hoạt động trong năm tiếp theo. Kết thúc năm 2025, mục tiêu lợi nhuận SXKD của Công ty đạt vượt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao/ *The Executive Board, led by the CEO, implemented measures to meet technical and economic targets, completed major repairs, and prepared for the following year. 2025 profit targets exceeded the AGM-approved plan.*
- Trong vấn đề quản lý và điều hành SXKD, Ban Điều hành Công ty tiếp tục thực thi cơ chế thưởng phạt rõ ràng, công khai, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm và phấn đấu trong từng CBCNV nâng cao năng suất lao động/ *Management and operations: clear and transparent reward and penalty system enhanced accountability and labor productivity.*
- Các hoạt động nghiên cứu sáng kiến, cải tiến; ứng dụng chuyển đổi số, số hóa được lan tỏa, tạo không khí thi đua trong từng đơn vị, từng vị trí

lao động góp phần chủ động, linh hoạt trong công việc/ *Innovation, improvement, and digital transformation initiatives were promoted, fostering a competitive and proactive work environment.*

3. Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị/ *Board's Strategic Plans*

- Trên cơ sở Nghị quyết số 58/NQ-NĐQN ngày 27/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025; HĐQT đã ban hành Quyết định 717/QĐ-NĐQN ngày 07/5/2025 phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 của Công ty/ *Based on Resolution No. 58/NQ-NĐQN dated April 27, 2025 of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, the Board of Directors (BOD) issued Decision No. 717/QĐ-NĐQN dated May 7, 2025 approving the Company's 2025 operational plan targets.*
- Cũng trong năm 2025, HĐQT đã ban hành các Quyết định số 2391/QĐ-NĐQN ngày 30/12/2025 phê duyệt tạm thời kế hoạch SXKD năm 2026 và Quyết định số 2392/QĐ-NĐQN ngày 30/12/2025 phê duyệt Danh mục, Phương án kỹ thuật và Dự toán sửa chữa lớn Tài sản cố định năm 2026 và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu SCL tài sản cố định và SXKD đợt 1 năm 2026 làm cơ sở thực hiện công tác SXKD, SCL năm theo Điều lệ Công ty/ *Also in 2025, the BOD issued Decision No. 2391/QĐ-NĐQN dated December 30, 2025 approving the provisional 2026 production and business plan, and Decision No. 2392/QĐ-NĐQN dated December 30, 2025 approving the List, Technical Plans, and Estimated Budget for major repairs of fixed assets in 2026, as well as the Contractor Selection Plan for fixed asset major repair packages and production/business activities of the first phase of 2026, serving as the basis for implementing the Company's production, business, and major repair activities in accordance with the Company's Charter.*
- HĐQT tiếp tục đồng hành cùng Ban điều hành trong các hoạt động/định hướng của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và phân cấp của HĐQT, song song duy trì công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành theo Nghị quyết HĐQT, các kiến nghị của Ban kiểm soát và các Đoàn thanh, kiểm tra. Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tuần với Ban điều hành cũng như làm việc trực tiếp với Ban Điều hành để kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT, đánh giá, đôn đốc và chỉ đạo kịp thời để giải quyết các vướng mắc tồn tại trong quá trình thực hiện/ *The BOD continues to accompany the Executive Board in the Company's operations and strategic direction in accordance with the Company's Organizational Charter and the BOD's delegated authority, while maintaining monitoring, supervision, and performance review of the Executive Board in accordance with BOD resolutions, the recommendations of the Supervisory Board, and the findings of*

*inspection and audit teams. The Chairman of the BOD directly participates in weekly production briefings with the Executive Board and meets directly with the Executive Board to review the implementation of BOD resolutions, assess, urge, and provide timely direction to resolve issues arising during execution.*

- Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của Ban điều hành và bộ máy lãnh đạo của các đơn vị thông qua việc thực hiện các giải pháp về tổ chức, nhân sự và nghiêm túc tuân thủ các quy chế quản lý nội bộ/ *The BOD continues to enhance the capacity and management efficiency of the Executive Board and the leadership apparatus of the Company's units through organizational and human resources solutions, and strict compliance with internal management regulations.*

## V. Quản trị công ty/ *Corporate Governance*

### 1. Hội đồng quản trị/ *Board of Directors (BOD)*

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and Structure of the Board of Directors:*

<b>1.</b>	<b>Ông/ Mr. Nguyễn Tuấn Anh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch HĐQT QTP/ <i>Chairman of the BOD of Quảng Ninh Thermal Power Joint Stock Company (QTP)</i></li> <li>- Người đại diện vốn EVNGENCO1 tại QTP/ <i>Representative of EVNGENCO1's capital at QTP</i></li> <li>- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 18,9% (từ ngày 15/01/2026: 25,2%)/ <i>Ownership of voting shares: 18.9% (as of January 15, 2026: 25.2%)</i></li> </ul>
<b>2.</b>	<b>Ông/ Mr. Nguyễn Việt Dũng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên HĐQT/ <i>Member of the BOD</i></li> <li>- Người đại diện vốn EVNGENCO1 tại QTP/ <i>Representative of EVNGENCO1's capital at QTP</i></li> <li>- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 12,6% (từ ngày 15/01/2026: 16,8%)/ <i>Ownership of voting shares: 12.6% (as of January 15, 2026: 16.8%)</i></li> <li>- Tổng giám đốc QTP/ <i>General Director of QTP</i></li> </ul>
<b>3.</b>	<b>Ông/ Mr. Lê Việt Cường</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên HĐQT (từ ngày 27/4/2025)/ <i>Member of the BOD (since April 27, 2025)</i></li> <li>- Người đại diện vốn EVNGENCO1 tại QTP/ <i>Representative of EVNGENCO1's capital at QTP</i></li> <li>- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,5%/ <i>Ownership of voting shares: 10.5%</i></li> <li>- Thôi làm người đại diện vốn EVNGENCO1 tại QTP từ ngày 15/01/2026/ <i>Ceased to be EVNGENCO1's capital representative at QTP as of January 15, 2026</i></li> </ul>

		- Phó Tổng giám đốc QTP/ <i>Deputy General Director of QTP</i> - Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc QTP từ ngày 15/01/2026/ <i>Relieved from the position of Deputy General Director as of January 15, 2026</i>
	<b>Ông/ Mr. Ngô Sinh Nghĩa</b>	- Thành viên HĐQT (đến ngày 27/4/2025)/ <i>Member of the BOD (until April 27, 2025)</i>
<b>4.</b>	<b>Ông/ Mr. Phan Duy An</b>	- Thành viên HĐQT/ <i>Member of the BOD</i>
<b>5.</b>	<b>Ông/ Mr. Nguyễn Quang Huy</b>	- Thành viên HĐQT/ <i>Member of the BOD</i> - Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)/ <i>Representative of Phả Lại Thermal Power Joint Stock Company (PPC)</i> - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 16,4%/ <i>Ownership of voting shares: 16.4%</i>
<b>6.</b>	<b>Bà/ Mrs. Trần Thị Kim Chi</b>	- Thành viên HĐQT/ <i>Member of the BOD</i> - Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK)/ <i>Representative of TKV Power Corporation – Joint Stock Company (DTK)</i> - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,6%/ <i>Ownership of voting shares: 10.6%</i>
<b>7.</b>	<b>Ông/ Mr. Tống Quang Vinh</b>	- Thành viên HĐQT (từ ngày 27/4/2025)/ <i>Member of the BOD (since April 27, 2025)</i> - Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)/ <i>Representative of the State Capital Investment and Trading Corporation (SCIC)</i> - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 11,4%/ <i>Ownership of voting shares: 11.4%</i>
	<b>Ông/ Mr. Trần Đức Hùng</b>	- Thành viên HĐQT (đến ngày 27/4/2025)/ <i>Member of the BOD (until April 27, 2025)</i>

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Subcommittees under the Board of Directors*: Không có/ *None*.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors*:

- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 5 phiên họp (phiên 1 ngày 24/2/2025, phiên 2 ngày 28/5/2025, phiên 3 ngày 08/9/2025, phiên 4 ngày 14/11/2025, phiên 5 ngày 27/12/2025) và tổ chức lấy ý kiến, ban hành 146 Nghị quyết của HĐQT để giải quyết các công việc theo thẩm quyền/ *In 2025, the BOD convened five meetings (Meeting 1: February 24, 2025; Meeting 2: May 28, 2025; Meeting 3: September 8, 2025; Meeting 4: November 14, 2025; Meeting 5: December 27, 2025) and conducted consultation and issuance of 146 BOD Resolutions to address matters within its authority:*

<b>Stt/ No.</b>	<b>Số Nghị quyết/ Resolution No</b>	<b>Ngày/ Date</b>	<b>Nội dung/ Content</b>	<b>Tỷ lệ thông qua/ Approval Rate</b>
1	01/NQ-NĐQN	04/01/2025	Nghị quyết về công tác tiêu thụ tro bay/ <i>Resolution</i>	100%

<b>Stt/ No.</b>	<b>Số Nghị quyết/ Resolution No</b>	<b>Ngày/ Date</b>	<b>Nội dung/ Content</b>	<b>Tỷ lệ thông qua/ Approval Rate</b>
			<i>on fly ash utilization</i>	
2	02/NQ-NĐQN	04/01/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%
3	03/NQ-NĐQN	03/02/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%
4	04/NQ-NĐQN	07/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
5	05/NQ-NĐQN	07/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
6	06/NQ-NĐQN	07/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
7	07/NQ-NĐQN	12/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
8	08/NQ-NĐQN	12/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
9	09/NQ-NĐQN	18/02/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%
10	10/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
11	11/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
12	12/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
13	13/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
14	14/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
15	15/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
16	16/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
17	17/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
18	18/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
19	19/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
20	20/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
21	21/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
22	22/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
23	23/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
24	24/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
25	25/NQ-NĐQN	28/02/2025	Nghị quyết về Phiên họp thứ 01 năm 2025/ <i>Resolution on the 1st Board of Directors Meeting of 2025</i>	100%

<b>Stt/ No.</b>	<b>Số Nghị quyết/ Resolution No</b>	<b>Ngày/ Date</b>	<b>Nội dung/ Content</b>	<b>Tỷ lệ thông qua/ Approval Rate</b>
26	26/NQ-NĐQN	05/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
27	27/NQ-NĐQN	05/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
28	28/NQ-NĐQN	05/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
29	29/NQ-NĐQN	06/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
30	30/NQ-NĐQN	06/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
31	31/NQ-NĐQN	10/03/2025	Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2025/ <i>Resolution on the organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders (AGM)</i>	100%
32	32/NQ-NĐQN	11/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
33	33/NQ-NĐQN	19/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
34	34/NQ-NĐQN	19/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
35	35/NQ-NĐQN	22/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
36	36/NQ-NĐQN	24/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
37	37/NQ-NĐQN	24/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
38	38/NQ-NĐQN	24/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
39	39/NQ-NĐQN	31/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
40	40/NQ-NĐQN	02/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
41	41/NQ-NĐQN	02/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
42	42/NQ-NĐQN	02/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
43	43/NQ-NĐQN	03/04/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%
44	44/NQ-NĐQN	03/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
45	45/NQ-NĐQN	04/04/2025	Nghị quyết về công tác tiêu thụ tro bay/ <i>Resolution on fly ash utilization</i>	100%
46	46/NQ-NĐQN	05/04/2025	Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2025 Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2025/ <i>Resolution on the Organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
47	47/NQ-NĐQN	09/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
48	48/NQ-NĐQN	10/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
49	49/NQ-NĐQN	11/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
50	50/NQ-NĐQN	11/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%

<b>Stt/ No.</b>	<b>Số Nghị quyết/ Resolution No</b>	<b>Ngày/ Date</b>	<b>Nội dung/ Content</b>	<b>Tỷ lệ thông qua/ Approval Rate</b>
			<i>Resolution on contractor selection</i>	
51	51/NQ-NĐQN	15/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
52	52/NQ-NĐQN	16/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
54	54/NQ-NĐQN	18/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
55	55/NQ-NĐQN	22/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
56	56/NQ-NĐQN	23/04/2025	Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2025/ <i>Resolution on the Organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
57	57/NQ-NĐQN	23/04/2025	Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2025/ <i>Resolution on the Organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
58	58/NQ-NĐQN	27/04/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025/ <i>Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	
59	59/NQ-NĐQN	27/04/2025	Nghị quyết bầu tái cử Chủ tịch Hội đồng quản trị/ <i>Resolution on the Re-election of the Chairman of the Board of Directors</i>	100%
60	60/NQ-NĐQN	28/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
61	61/NQ-NĐQN	28/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
62	62/NQ-NĐQN	29/04/2025	Nghị quyết về công tác sửa đổi, bổ sung Hợp đồng Mua bán điện/ <i>Resolution on the amendment and supplementation of the Power Purchase Agreement</i>	100%
63	63/NQ-NĐQN	04/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
64	64/NQ-NĐQN	07/05/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
65	65/NQ-NĐQN	07/05/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
66	66/NQ-NĐQN	08/05/2025	Nghị quyết về công tác chia sẻ thông tin phục vụ vận hành thị trường điện/ <i>Resolution on the Information Sharing for the Operation of the Electricity Market</i>	100%
67	67/NQ- NĐQN	13/05/2025	Nghị quyết về công tác mua lại các VTTB thu hồi còn sử dụng được từ dự án nâng cấp hệ thống DCS Tổ máy 330MW- Nhà máy nhiệt điện Uông Bí/ <i>Resolution on the Procurement of Recoverable Materials and Equipment from the 330MW Unit DCS System Upgrade Project – Uong Bi Thermal Power Plant</i>	100%
68	68/NQ-NĐQN	13/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
69	69/NQ-NĐQN	13/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
70	70/NQ-NĐQN	13/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
71	71/NQ-NĐQN	16/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
72	72/NQ-NĐQN	16/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%

<b>Stt/ No.</b>	<b>Số Nghị quyết/ Resolution No</b>	<b>Ngày/ Date</b>	<b>Nội dung/ Content</b>	<b>Tỷ lệ thông qua/ Approval Rate</b>
			<i>Resolution on contractor selection</i>	
73	73/NQ-NĐQN	21/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
74	74/NQ-NĐQN	28/05/2025	Nghị quyết về Phiên họp thứ 02 năm 2025/ <i>Resolution on the 2nd Board of Directors Meeting of 2025</i>	100%
75	75/NQ-NĐQN	30/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
76	76/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
77	77/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%
78	78/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác Quyết toán SCL 2022/ <i>Resolution on the Finalization of Major Repair Works for 2022</i>	100%
79	79/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
80	80/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
81	81/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
82	82/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%
83	83/NQ-NĐQN	10/06/2025	Nghị quyết về công tác hiệu chỉnh một số nội dung trong Hợp đồng mua bán than năm 2025/ <i>Resolution on Adjusting Certain Provisions in the 2025 Coal Sale and Purchase Contract</i>	100%
84	84/NQ-NĐQN	16/06/2025	Nghị quyết về công tác chi trả cổ tức phần còn lại năm 2024 bằng tiền/ <i>Resolution on Payment of the Remaining Cash Dividend for the Year 2024</i>	100%
85	85/NQ-NĐQN	16/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
86	86/NQ-NĐQN	17/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
87	87/NQ-NĐQN	23/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
88	88/NQ-NĐQN	26/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
89	89/NQ-NĐQN	03/07/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
90	90/NQ-NĐQN	05/07/2025	Nghị quyết về công tác tiêu thụ tro bay/ <i>Resolution on the Management and Sale of Fly Ash</i>	100%
91	91/NQ-NĐQN	05/07/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
92	92/NQ-NĐQN	05/07/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
93	93/NQ-NĐQN	11/07/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
94	94/NQ-NĐQN	11/07/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
95	95/NQ-NĐQN	11/07/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%

<b>Stt/ No.</b>	<b>Số Nghị quyết/ Resolution No</b>	<b>Ngày/ Date</b>	<b>Nội dung/ Content</b>	<b>Tỷ lệ thông qua/ Approval Rate</b>
			<i>Resolution on contractor selection</i>	
96	96/NQ-NĐQN	11/07/2025	Nghị quyết về chủ trương triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt/ <i>Resolution on the Policy for Implementing Cashless Payment Methods</i>	100%
97	97/NQ-NĐQN	21/07/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
98	98/NQ-NĐQN	29/07/2025	Nghị quyết về phê duyệt phương án sắp xếp, tinh gọn cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và phê duyệt định biên lao động Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/ <i>Resolution on the Approval of the Plan for Restructuring and Streamlining the Organizational and Management System and Approving the Staffing of Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company</i>	100%
99	99/NQ-NĐQN	29/07/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
100	100/NQ-NĐQN	29/07/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
101	101/NQ-NĐQN	01/08/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
102	102/NQ-NĐQN	13/08/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
103	103/NQ-NĐQN	13/08/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
104	104/NQ-NĐQN	22/08/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
105	105/NQ-NĐQN	22/08/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
106	106/NQ-NĐQN	26/08/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
107	107/NQ-NĐQN	26/08/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
108	108/NQ-NĐQN	04/09/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
109	109/NQ-NĐQN	04/09/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
110	110/NQ-NĐQN	11/09/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
111	111/NQ-NĐQN	11/09/2025	Nghị quyết về Phiên họp thứ 03 năm 2025/ <i>Resolution on the 3rd Board of Directors Meeting of 2025</i>	100%
112	112/NQ-NĐQN	16/09/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
113	113/NQ-NĐQN	17/09/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
114	114/NQ-NĐQN	02/10/2025	Nghị quyết về vay vốn lưu động ngắn hạn phục vụ hoạt động SXKD/ <i>Resolution on Short-Term Working Capital Borrowing to Serve Production and Business Activities</i>	100%
115	115/NQ-NĐQN	02/10/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
116	116/NQ-NĐQN	02/10/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%

<b>Stt/ No.</b>	<b>Số Nghị quyết/ Resolution No</b>	<b>Ngày/ Date</b>	<b>Nội dung/ Content</b>	<b>Tỷ lệ thông qua/ Approval Rate</b>
117	117/NQ-NĐQN	21/10/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
118	118/NQ-NĐQN	21/10/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
119	119/NQ-NĐQN	24/10/2025	Nghị quyết về phê duyệt Dự án Cung cấp, lắp đặt, kết nối Hệ thống thiết bị đo lưu lượng nước biển khai thác/ <i>Resolution on the Approval of the Project for the Supply, Installation, and Integration of the Seawater Flow Measurement System for Exploitation</i>	100%
120	120/NQ-NĐQN	30/10/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
121	121/NQ-NĐQN	30/10/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
122	122/NQ-NĐQN	05/11/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%
123	123/NQ-NĐQN	08/11/2025	Nghị quyết về phê duyệt thành lập Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành/ <i>Resolution on the Approval of the Establishment of the Team for Verification of Investment Project Completion Settlement</i>	100%
124	124/NQ-NĐQN	17/11/2025	Nghị quyết về Phiên họp thứ 04 năm 2025/ <i>Resolution on the 4th Board of Directors Meeting of 2025</i>	100%
125	125/NQ-NĐQN	25/11/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
126	126/NQ-NĐQN	25/11/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
127	127/NQ-NĐQN	26/11/2025	Nghị quyết về phê duyệt Dự án chuyển đổi dầu FO-DO/ <i>Resolution on the Approval of the FO-to-DO Fuel Conversion Project</i>	100%
128	128/NQ-NĐQN	04/12/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%
129	129/NQ-NĐQN	04/12/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
130	130/NQ-NĐQN	10/12/2025	Nghị quyết về hợp đồng mua bán than năm 2026/ <i>Resolution on the 2026 Coal Sales and Purchase Contract</i>	100%
131	131/NQ-NĐQN	11/12/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
132	132/NQ-NĐQN	11/12/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
133	133/NQ-NĐQN	11/12/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
134	134/NQ-NĐQN	17/12/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
135	135/NQ-NĐQN	17/12/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on adjustment of coal price</i>	100%
136	136/NQ-NĐQN	17/12/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%

<b>Stt/ No.</b>	<b>Số Nghị quyết/ Resolution No</b>	<b>Ngày/ Date</b>	<b>Nội dung/ Content</b>	<b>Tỷ lệ thông qua/ Approval Rate</b>
137	137/NQ-NĐQN	19/12/2025	Nghị quyết về vay vốn lưu động ngắn hạn phục vụ hoạt động SXKD/ <i>Resolution on Short-term Working Capital Borrowing to Serve Business and Production Activities</i>	100%
138	138/NQ-NĐQN	19/12/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
139	139/NQ-NĐQN	19/12/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
140	140/NQ-NĐQN	29/12/2025	Nghị quyết về phương án chốt quyền tạm ứng cổ tức năm 2025/ <i>Resolution on the Plan for Determining the Record Date for 2025 Interim Dividend Payment</i>	85,7%
141	141/NQ-NĐQN	29/12/2025	Nghị quyết về phê duyệt tạm kế hoạch SXKD năm 2026/ <i>Resolution on the Approval of the Provisional 2026 Business and Production Plan</i>	100%
142	142/NQ-NĐQN	29/12/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
143	143/NQ-NĐQN	29/12/2025	Nghị quyết về Phiên họp thứ 05 năm 2025/ <i>Resolution on the 5th Board of Directors Meeting of 2025</i>	100%
144	144/NQ-NĐQN	30/12/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on issuance of internal management regulations</i>	100%
145	145/NQ-NĐQN	30/12/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
146	146/NQ-NĐQN	30/12/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on contractor selection</i>	100%
147	147/NQ-NĐQN	31/12/2025	Nghị quyết về quyết toán dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2/ <i>Resolution on the Finalization of the Quang Ninh 2 Thermal Power Plant Project</i>	100%

Các cuộc họp của HĐQT đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty/ *The Board of Directors' meetings are conducted in compliance with the relevant provisions of the Enterprise Law and the Company Charter.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of Independent Board Members: Không có/ None.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty/ *List of Board Members with Corporate Governance Training Certificates: Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia các khóa đào tạo về Quản trị Doanh nghiệp/ All members of the Company's Board of Directors have participated in training courses on Corporate Governance.*

## 2. Ban Kiểm soát/ *Supervisory Board*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ *Members and Structure of the Supervisory Board:*

<b>1.</b>	<b>Ông/ Mr. Nguyễn Hữu Thành</b>	+ Trưởng BKS/ <i>Head of the Supervisory Board</i> + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%/ <i>Voting shareholding ratio: 0%</i>
-----------	----------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

2.	<b>Ông/ Mr. Dương Đình Hòa</b>	+ Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i> + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%/ <i>Voting shareholding ratio: 0%</i>
3.	<b>Bà/ Mrs. Tăng Minh Hằng</b>	+ Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i> Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%/ <i>Voting shareholding ratio: 0%</i>
4.	<b>Ông/ Mr. Nguyễn Hải Đăng</b>	+ Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i> Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%/ <i>Voting shareholding ratio: 0%</i>
5.	<b>Bà/ Mrs. Nguyễn Thị Ngọc Diệp</b>	+ Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i> + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%/ <i>Voting shareholding ratio: 0%</i>

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ *Activities of the Supervisory Board:*

- Đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm tài chính 2025 tại QTP theo Văn bản số 09/KH-BKS ngày 16/7/2025/ *Developed the Supervisory Plan for the 2025 fiscal year at QTP as per Document No. 09/KH-BKS dated July 16, 2025;*
  - Tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025 của QTP tổ chức ngày 27/4/2025/ *Attended the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of QTP held on April 27, 2025;*
  - Tham dự các phiên họp của HĐQT/ *Participated in the Board of Directors' meetings;*
  - KSV chuyên trách tham dự họp giao ban sản xuất tại QTP nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), tham dự họp giao ban tháng (trực tuyến) của EVNGENCO1/ *Full-time Supervisory Board members attended production briefings at QTP to monitor operational activities, and attended monthly (online) briefings of EVNGENCO1;*
  - Rà soát, kiểm tra hàng tồn kho do mua sắm từ năm 2009 đến thời điểm 31/12/2024 tại các kho vật tư/ *Reviewed and inspected inventory purchased from 2009 up to December 31, 2024, at the material warehouses;*
  - Thực hiện kiểm soát kỳ 3 năm tài chính 2024 và kiểm soát kỳ 1 năm tài chính 2025/ *Conducted the third-period audit of the 2024 fiscal year and the first-period audit of the 2025 fiscal year.*
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, Remuneration, and Benefits of the Board of Directors, Executive Board, and Supervisory Board*

a) Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2025/ *Salaries and Remuneration of the Board of Directors, Executive Board, and Supervisory Board for 2025:*

1.	Ông/ Mr. Nguyễn Tuấn Anh	977.415.000	VND
2.	Ông/ Mr. Nguyễn Việt Dũng	1.580.741.669	VND
3.	Ông/ Mr. Lê Việt Cường	1.347.338.713	VND
4.	Ông/ Mr. Ngô Sinh Nghĩa	39.566.913	VND
5.	Ông/ Mr. Nguyễn Quang Huy	161.072.667	VND
6.	Ông/ Mr. Trần Đức Hùng	39.566.913	VND
7.	Ông/ Mr. Tống Quang Vinh	121.505.753	VND
8.	Bà/ Mrs. Trần Thị Kim Chi	161.072.667	VND
9.	Ông/ Mr. Phan Duy An	161.072.667	VND
10.	Ông/ Mr. Nguyễn Hữu Thành	165.145.999	VND
11.	Bà/ Mrs. Tăng Minh Hằng	161.072.667	VND
12.	Bà/ Mrs. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	161.072.667	VND
13.	Ông/ Mr. Nguyễn Hải Đăng	161.072.667	VND
14.	Ông/ Mr. Dương Đình Hòa	805.371.000	VND

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/ *Insider Share Transactions*: Phụ lục đính kèm/ *Refer to the attached appendix for details of insider share transactions.*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or Transactions with Insiders*:

- Giao dịch với cổ đông nội bộ có liên quan năm 2025/ *Transactions with related internal shareholders in 2025:*
- + Giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam/ *Transactions with Vietnam Electricity Group (EVN)*:
  - Mua điện: 43,85 tỷ đồng/ *Electricity purchase: VND 43.85 billion;*
  - Công ty Mua bán điện/ *Electricity trading company*: Doanh thu bán điện: 10.766,39 tỷ đồng/ *Revenue from electricity sales: VND 10,766.39 billion.*
  - Chi phí dịch vụ/ *Service expenses*: Công ty Truyền tải Điện 1: 3,24 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc: 0,13 tỷ đồng; Công ty viễn thông điện lực và công nghệ thông tin: 0,79 tỷ đồng; Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 1: 0,58 tỷ đồng/ *EVN Transmission Corporation 1: VND 3.24 billion; Northern Power Testing One-Member Limited Liability Company: VND 0.13 billion; Electricity Telecommunications and Information Technology Company: VND 0.79 billion; Power Construction Consulting Joint Stock Company 1: VND 0.58 billion/*
  - Chia cổ tức trong kỳ/ *Dividend distribution during the period*: Tổng công ty Phát điện 1: 37,80 tỷ đồng/ *EVNGENCO1: VND 37.80 billion.*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Evaluation of Compliance with Corporate Governance Regulations*: Tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty/ *The Company complied with relevant provisions of the Enterprise Law and the Company's Charter*.

## **VI. Báo cáo tài chính/ *Financial Statements***

### **1. Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's Opinion*:**

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính/ *The accompanying financial statements fairly and accurately present, in all material respects, the financial position of Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company as of December 31, 2025, as well as its business results and cash flows for the fiscal year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises, and relevant legal regulations governing the preparation and presentation of financial statements*.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ *Audited Financial Statements*:**

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty (chi tiết kèm theo) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 được lập đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán và kiểm toán/ *The Company's audited financial statements for 2025 (details attached), covering the accounting period from January 1, 2025, to December 31, 2025, were prepared in accordance with prevailing laws and regulations on accounting and auditing*.

Trân trọng/ *Respectfully submitted./*



#### **Nơi nhận:/ *Recipients*:**

- Như trên/ *Above*;
- CT.HĐQT, BKS (đề b/c)/ *Chairman of the Board of Directors and the Supervisory Board (for reporting)*;
- Các Phòng (t/hiện)/ *Relevant Departments (for implementation)*;
- <http://www.quangninhtpc.com.vn>
- Lưu: VT, KHVT/ *Filed: Administration Office, Planning Department*.

**TỔNG GIÁM ĐỐC/  
GENERAL DIRECTOR**



  
**Nguyễn Việt Dũng**

**Phụ lục: Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ**  
**Appendix: Insider Stock Transactions**

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
1	Nguyễn Quang Huy Nguyen Quang Huy	Thành viên HĐQT/ Board Member	08/12/2025 - 12/12/2025	-	- Nội dung: mua/ Content: Purchase - Tổng số lượng: 19.900 CP/ Total quantity: 19,900 shares - Tổng giá trị giao dịch: 199.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/ Total value of transaction: 199,000,000 VND (at par value)	
1.1	Nguyễn Quang Huy Nguyen Quang Huy	Thành viên HĐQT/ Board Member	08/12/2025	-	- Nội dung: mua/ Content: Purchase - Số lượng: 4.900 CP/ Quantity: 4,900 shares - Giá trị: 49.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/Value: 49,000,000 VND (at par value)	
1.2	Nguyễn Quang Huy Nguyen Quang Huy	Thành viên HĐQT/ Board Member	09/12/2025	-	- Nội dung: mua/ Content: Purchase - Số lượng: 4.900 CP/ Quantity: 4,900 shares - Giá trị: 49.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/Value: 49,000,000 VND (at par value)	
1.3	Nguyễn Quang Huy Nguyen Quang Huy	Thành viên HĐQT/ Board Member	10/12/2025	-	- Nội dung: mua/ Content: Purchase - Số lượng: 4.900 CP/ Quantity: 4,900 shares - Giá trị: 49.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/Value: 49,000,000 VND (at par value)	
1.4	Nguyễn Quang Huy Nguyen Quang Huy	Thành viên HĐQT/ Board Member	11/12/2025	-	- Nội dung: mua/ Content: Purchase - Số lượng: 4.900 CP/ Quantity: 4,900 shares - Giá trị: 49.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/Value: 49,000,000 VND (at par value)	
1.5	Nguyễn Quang Huy Nguyen Quang Huy	Thành viên HĐQT/ Board Member	12/12/2025	-	- Nội dung: mua/ Content: Purchase - Số lượng: 300 CP/ Quantity: 300 shares - Giá trị: 3.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/ Value: 3,000,000 VND (at par value)	

2	Tăng Minh Hằng <i>Tang Minh Hang</i>	Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i>	29/12/2025 - 31/12/2025	-	- Nội dung: mua/ <i>Content: Purchase</i> - Tổng số lượng: 12.300 CP/ <i>Total quantity: 12,300 shares</i> - Tổng giá trị giao dịch: 123.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/ <i>Total value of transaction: 123,000,000 VND (at par value)</i>
2.1	Tăng Minh Hằng <i>Tang Minh Hang</i>	Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i>	29/12/2025	-	- Nội dung: mua/ <i>Content: Purchase</i> - Số lượng: 4.900 CP/ <i>Quantity: 4,900 shares</i> - Giá trị: 49.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/ <i>Value: 49,000,000 VND (at par value)</i>
2.2	Tăng Minh Hằng <i>Tang Minh Hang</i>	Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i>	30/12/2025	-	- Nội dung: mua/ <i>Content: Purchase</i> - Số lượng: 4.900 CP/ <i>Quantity: 4,900 shares</i> - Giá trị: 49.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/ <i>Value: 49,000,000 VND (at par value)</i>
2.3	Tăng Minh Hằng <i>Tang Minh Hang</i>	Thành viên BKS/ <i>Member of the Supervisory Board</i>	31/12/2025	-	- Nội dung: mua/ <i>Content: Purchase</i> - Số lượng: 2.500 CP/ <i>Quantity: 2,500 shares</i> - Giá trị: 25.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)/ <i>Value: 25,000,000 VND (at par value)</i>